

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HS-ST.

Ngày: 30/9/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Ánh.

2. Ông Trần Nam Tư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Duẩn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST- HS ngày 18 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Trịnh Ngọc H; tên gọi khác: Không. Sinh năm 1983 tại tỉnh T. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Ngọc H, sinh năm 1951, và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952; Bị cáo có vợ là Y N, sinh năm 1982. Có 02 con lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 16/12/2016, bị Bản án số 14/2016/HSST của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian gian thử thách 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Đến tháng 7/2018 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (khi chưa chấp hành xong thời gian thử thách), chưa được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh A H (tên gọi khác: A N) sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh S, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh A L, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh S, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Y Nh, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K. Có mặt.

+ Anh Đỗ Xuân V, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh . Có mặt.

+ Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K. Có mặt.

+ Anh Trần Văn N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Y Th, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đăk Nh, huyện Đ, tỉnh K. Có mặt.

+ Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Y Th, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Sê K, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- *Người phiên dịch:* Bà Lê Thu H – Phiên dịch viên thuộc Công ty TNHH MTV dịch thuật C. Địa chỉ: 154 đường Bà Triệu, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Trịnh Ngọc H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc máy cày nhãn hiệu Iseki 275 của A H và A L để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân cụ thể như sau:

Khoảng tháng 7/2018, H làm thuê tại xã Đăk Ba, huyện Đăk Chung, tỉnh Sê Kông, nước CHDCND Lào. Tại đây H thuê A H và A L sử dụng xe máy cày để vận chuyển cát sỏi cho H. Do thấy A H và A L là người Lào, không thông thạo tiếng Việt, nhận thức pháp luật còn hạn chế lại sinh sống ở vùng khó khăn nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc máy cày nhãn hiệu Iseki 275 kèm theo rơ moóc thuộc quyền sở hữu chung của A H và A L để bán lấy tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên H đã nói với A H và A L rằng xe máy cày của A H và A L có công suất nhỏ, không thể chở được nhiều cát sỏi và đề nghị góp vốn với A L và A H để mua xe máy cày mới có công suất lớn hơn. Theo thỏa thuận A H và A L sẽ giao xe máy cày cho H, và thống nhất góp chiếc máy cày này với giá trị là 100.000.000 đồng. H sẽ góp thêm 150.000.000 đồng nữa để mua máy cày to hơn có công suất lớn hơn. A H và A L đã tin tưởng thông tin mà H đưa ra là có thật nên đã đồng ý và giao xe cho H tại khu vực cầu treo thuộc xã

Đăk Pét, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. Sau khi nhận được xe máy cày ngày hôm sau H đã liên hệ với anh Đỗ Xuân V để bán chiếc máy cày này với giá 70.000.000 đồng, anh V đem về sửa chữa và bán lại cho người khác với giá 77.000.000 đồng (*không xác định được nhân thân lai lịch của người mua*). Sau khi nhận tiền bán máy cày từ anh V, H đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Đến khoảng tháng 8/2018 H tiếp tục liên lạc với chị Y Th (*là chị họ A L*) nhờ nhắn lại với A H và A L đưa thêm 50.000.000 đồng. Để tạo niềm tin cho A H và A L về việc mua máy cày là có thật nên sau khi nhận được 50.000.000 đồng H đã thuê xe chở A H, A L, Y Th và Y T (mẹ A L) đến cơ sở nông cơ Vinh Quang (*ở tổ 4B, thị trấn Đăk Hà, tỉnh Kon Tum*) để xem xe, thống nhất sẽ mua loại máy cày kèm theo rơ mooc có giá trị 300.000.000 đồng rồi đặt cọc 5.000.000 đồng cho chủ cơ sở Vinh Quang và hứa hẹn sau 02 ngày sẽ giao xe mới cho A H và A L. Sau đó H quay lại cơ sở Vinh Quang lấy lại tiền đặt cọc, chủ cơ sở Vinh Quang trả lại cho H 2.000.000 đồng. Quá thời gian hứa hẹn nhưng không nhận được máy cày nên A H và A L đã nhiều lần liên lạc và đến nhà tìm H nhưng không gặp nên đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra. Đối với số tiền 50.000.000 đồng sau khi nhận H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Kết luận giám định số 124/GĐTP-2019 ngày 28/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum xác định:

+ Chữ viết trên 03 tài liệu cần giám định (*A1 - trừ mục “B”; A2 - trừ mục “B” và dòng chủ nhật ngày 19 tháng 8 năm 2018”; A3 trừ mục “B”*) với chữ viết của Trịnh Ngọc H trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1*) là do cùng một người viết ra.

+ Chữ viết “*Chủ nhật ngày 19 tháng 8 năm 2018*” trên tài liệu cần giám định (*ký hiệu A2*) với chữ viết của Trịnh Ngọc H trên tài liệu mẫu so sánh (*ký hiệu M1*) là không phải do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Kon Tum đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Kon Tum định giá đối với chiếc máy cày trên trên cơ sở hóa đơn tính tiền, các biên bản ghi lời khai, các biên bản làm việc, hình ảnh máy cày do A H, A L cung cấp và hình ảnh xe máy cày cùng chủng loại và đặc điểm cần định giá nhưng Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Kon Tum từ chối định giá với lý do: Hồ sơ tài sản theo yêu cầu định giá không có các thông tin về đặc điểm về kinh tế - kỹ thuật chủ yếu, không đủ cơ sở để định giá.

Do không định giá được tài sản nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum xác định giá trị chiếc máy cày của A H và A L là 70.000.000 đồng. Do đó tổng số tiền H đã chiếm đoạt của A H và A L là 120.000.000 đồng và truy tố bị cáo Trịnh Ngọc H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Trong vụ án này còn có Đỗ Xuân V là người đã mua chiếc máy cày kèm Rơ mooc do H lừa đảo chiếm đoạt của A H và A L bán lại cho anh V nhưng anh

V không biết được đây là tài sản do H phạm tội mà có nên hành vi của anh V không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

* Đối với hành vi đưa chiếc máy cày nhãn hiệu Iseki cùng Rơ moóc sau khi mua được từ Việt Nam về Lào để sử dụng, sau đó lại đưa đến khu vực cầu treo thuộc xã Đăk Pét, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum để giao lại cho H của A H và A L có dấu hiệu của tội vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới. Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh CoVid 19 trong thời gian qua nên Cơ quan điều tra không thể thực hiện các hoạt động điều tra, tương trợ tư pháp trên đất bạn Lào. Do đó, Cơ quan điều tra đã kết luận sẽ tiếp tục làm rõ, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, truy tố, bị hại A L và A H yêu cầu bị cáo Trịnh Ngọc H trả lại giá trị chiếc xe máy cày và số tiền 50.000.000 đồng mà H đã chiếm đoạt. Bị cáo H chưa bồi thường gì cho bị hại.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với chiếc xe máy cày nhãn hiệu Iseki 275 kèm theo Rơ moóc là vật chứng của vụ án, đây là tài sản chung của A H và A L được anh Trần Văn N mua vào tháng 3/2017 với giá 200.000.000đ, đến nay A H và A L vẫn còn nợ anh N 100.000.000 đồng. Sau khi nhận được máy cày H đã bán cho anh Đỗ Xuân V với giá 70.000.000 đồng, anh Vững đem về sửa chữa và bán lại với giá 77.000.000 đồng. Do không xác minh được người mua chiếc máy cày là ai, ở đâu ? nên Cơ quan điều tra không thu giữ được chiếc máy cày này.

Tại bản cáo trạng số: 25/CT-VKS-P2 ngày 29/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc H, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với tổng số tiền chiếm đoạt là 120.000.000 đồng).

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ngày 21/8/2020 và tại phiên tòa ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum để điều tra bổ sung các nội dung sau:

1. Thu thập thông tin về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là xe máy cày hiệu Iseki 275 màu xanh và rơ moóc gồm: Năm sản xuất, số hiệu, kiểu loại (model), tên nhà sản xuất, các thông số kỹ thuật, công suất, quy cách... để tiến hành định giá lại tài sản; qua đó xác định đúng giá trị tài sản bị chiếm đoạt làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc H theo hướng dẫn tại điểm 4 mục II Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 giữa Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp.

2. Tại công văn số 2256/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 18/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum (bút lục 213) và Báo cáo số 36/BC-CNVPĐKĐĐ ngày 12/11/2019 (bút lục 260) đều xác định: “*Ông Trịnh Ngọc H*

cùng vợ là bà Y Nhg cùng trú tại: Thôn Đông Thượng, xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei tỉnh Kon Tum có sở hữu 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất như sau: “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang số hiệu BB 208127, số vào sổ cấp GCN: H010134 được UBND huyện Đăk Glei cấp ngày 21/12/2010. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đông Thượng, xã Đăk Pek, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum với diện tích 2752 m². Ngày 13/2/2015, gia đình bà Y Nhg chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho bà Y Lê H với diện tích 770 m² và đến ngày 12/01/2016 gia đình bà Y Nh tiếp tục chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất cho ông A T và bà Y H tại thửa 34c và tờ bản đồ số 04 với diện tích 1829 m². Diện tích còn lại mà gia đình bà Y Nh sử dụng là 153m² (36m² ONT và 117m² KTV)”.

Do đó, cần điều tra làm rõ tài sản nêu trên có phải là tài sản chung của Trịnh Ngọc H với chị Y Nh hay không? Đồng thời thu thập Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bị cáo Trịnh Ngọc H với Y Nh để xác định thời điểm hình thành tài sản chung của vợ chồng giữa Trịnh Ngọc H và Y Nh để làm căn cứ xác định trách nhiệm dân sự của bị cáo Trịnh Ngọc H trong vụ án.

3. Tại lý lịch cá nhân (bút lục số 47, 48) và Lý lịch bị can (bút lục 49, 50) của bị cáo Trịnh Ngọc H (do Công an huyện Đăk Glei và Công an xã Đăk Pét, huyện Đăk Glei lập) có ghi: *“Từ năm 1998 đến năm 2012 H cùng bố mẹ chuyển vào sinh sống và làm việc tại xã Ea Nam, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đăk Lăk. Quá trình sinh sống tại địa phương không vi phạm pháp luật gì”*. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa ủy thác cho Công an tỉnh Đăk Lăk xác minh, tra cứu thông tin nêu trên là chưa đầy đủ. Vì vậy, cần ủy thác để làm rõ quá trình sinh sống tại Đăk Lăk của Trịnh Ngọc H có tiền án, tiền sự hay vi phạm pháp luật gì hay không?

Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày 06 tháng 07 năm 1998, có quy định: *“...Cơ quan tư pháp của các tỉnh giáp biên giới của các Nước ký kết được liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện tương trợ tư pháp, nhưng phải báo cáo cho Bộ Tư pháp hoặc Viện kiểm sát tối cao của nước mình trước...”*. Do vậy, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum cần bổ sung văn bản báo cáo gửi Viện kiểm sát nhân dân Tối cao hoặc Bộ tư pháp về vấn đề này.

- Ngày 18/9/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum trả lại hồ sơ vụ án cho Tòa án kèm theo Công văn số 258/CV-VKS ngày 16/9/2020: Chỉ thực hiện một phần yêu cầu về xác minh lý lịch, tiền án tiền sự của Trịnh Ngọc H tại Công an xã Ea Nam, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đăk Lăk; không thực hiện các nội dung khác theo Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung của Tòa án.

- Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu lời luận tội đối với bị cáo Trịnh Ngọc H, giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố; phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm mà bị cáo gây ra. Đồng thời, đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm c

khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc H từ 36 đến 42 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”(đối với tổng số tiền chiếm đoạt là 120.000.000 đồng). Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 11/4/2020.

Về tổng hợp hình phạt: Do bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2016/HS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum đã xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Ngọc H tự nguyện bồi thường số tiền 150.000.000 đồng gồm số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt và 100.000.000 đồng là giá trị chiếc xe máy cày và Rơ mooc mà bị cáo đã thỏa thuận trước đó với A H và A L. Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo phù hợp với thỏa thuận trước đó với bị hại, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo Trịnh Ngọc H. Buộc bị cáo H phải trả lại cho bị hại A H và A L tổng số tiền là 150.000.000 đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Ngọc H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện bồi thường cho các bị hại A H, A L tổng số tiền 150.000.000 đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); trong đó, giá trị của xe máy cày cùng Rơ mooc là 100.000.000 đồng như thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại tại thời điểm bị cáo lừa dối và 50 triệu đồng tiền mặt mà bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo không có ý kiến bào chữa và tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để được sớm trở về với gia đình và xã hội.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Kon Tum, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Qua phân tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Trịnh Ngọc H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là chiếc máy cày nhãn hiệu Iseki 275 là tài sản của A H và A L để bán lấy tiền tiêu xài nên H đã đưa ra thông tin gian dối là góp vốn với A H và A L để mua máy cày mới có công suất lớn hơn để A H và A L tin tưởng giao máy cày cho H theo thỏa thuận lúc đó trị giá máy cày kèm Rơ mooc là 100.000.000 đồng và sau đó H liên hệ với Y Th yêu cầu A H, A N giao thêm 50.000.000 đồng tiền mặt nữa cho H thì mới mua được máy cày. Sau khi nhận được máy cày H đã đem bán được 70.000.000 đồng, cùng với số tiền tiền 50.000.000 đồng sau khi H nhận được đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy, đối với số tiền 50.000.000 đồng mà Trịnh Ngọc H lừa đảo A L, A H đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS Bộ luật hình sự năm 2015.

** Xét hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy cày Hiệu Iseki 275 cùng Rơ Mooc của Trịnh Ngọc H, thấy rằng:*

Ngày 01 tháng 11 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum đã ra Yêu cầu định giá tài sản số 05/YC-PC01 yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tiến hành định giá tài sản này để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc H (bút lục 194), nhưng Hội đồng định giá tài sản đã từ chối với lý do tại thời điểm định giá tài sản này không còn và Cơ quan điều tra cung cấp chưa đầy đủ thông tin về tài sản này theo quy định tại Nghị định số 30/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 07/3/2018 nên Hội đồng định giá tài sản không có đủ cơ sở để định giá (bút lục 195, 196). Vì cơ quan chuyên môn từ chối định giá nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã lấy giá trị của xe máy cày và Rơ mooc mà bị cáo H bán cho anh Đỗ Xuân V với số tiền 70.000.000 đ (*Bảy mươi triệu đồng*) làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là xe máy cày cùng Rơ mooc chưa được cơ quan chuyên môn định giá theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 giữa Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp nên ngày 21/8/2020 và 11/9/2020 Tòa án đã ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung yêu cầu xác định giá trị tài sản này theo quy định pháp luật nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum không thực hiện.

Trong quá trình điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử vụ án, các bị hại A H, A L đều xác định tài sản bị chiếm đoạt là tài sản chung của các bị hại (mỗi người 1/2 giá trị) và yêu cầu bị cáo Trịnh Ngọc H trả lại chiếc xe máy cày cùng Rơ mooc và số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt nhưng khi Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum xác định tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 120.000.000 đồng (trong đó, chiếc máy cày cùng Rơ

mooc có giá trị là 70.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền mặt) để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trịnh Ngọc H, thì các bị hại đều không có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum với các bị hại A H, A L vào ngày 09/9/2020 tại Trạm kiểm soát biên phòng Đăk Blô (Trạm kiểm soát 663) thuộc Đồn biên phòng Sông Thanh, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum qua phiên dịch của người phiên dịch bà Lê Thu H thì các bị hại có ý kiến yêu cầu bị cáo Trịnh Ngọc H phải bồi thường tổng số tiền là 150.000.000 đồng (trong đó giá trị chiếc xe máy cày cùng Rơ mooc là 100.000.000 đồng như đã thỏa thuận lúc đầu và 50.000.000 đồng tiền mặt). Tại phiên tòa ngày 30/9/2020, bị cáo Trịnh Ngọc H tự nguyện bồi thường cho các bị hại A H, A L số tiền là 150.000.000 đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*) như yêu cầu của các bị hại.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù giá trị của chiếc xe máy cày cùng Rơ mooc do bị cáo Trịnh Ngọc H chiếm đoạt trong vụ án chưa được định giá vì Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự từ chối nên Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum lấy giá trị là 70.000.000 đồng tại thời điểm bị cáo H bán lại xe máy cày cùng Rơ mooc cho anh Đỗ Xuân V và 50.000.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 120.000.000 đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và sự tự nguyện đồng ý bồi thường số tiền 150.000.000 đồng của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với yêu cầu của các bị hại.

Do đó, có đủ cơ sở xét xử bị cáo Trịnh Ngọc H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự đối với số tiền là 120 triệu đồng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đã truy tố (không bất lợi cho bị cáo và cũng không thiệt hại cho các bị hại).

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bị cáo cung cấp các giấy tờ thể hiện cha của bị cáo là ông Trịnh Văn H được Nhà nước công nhận là thương binh và được tặng Huân chương, Kỷ niệm chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Do đó, cần áp dụng tình tiết quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

- Về tình tiết tăng nặng:

Ngày 16/12/2016, bị cáo Trịnh Ngọc H bị Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum tuyên phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian gian thử thách 24 tháng. Đến tháng 7/2018, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản khi chưa chấp hành xong thời gian thử thách, chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích.

[4] Qua phân tích, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo đã từng bị xét xử 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học để tự giáo dục, nhắc nhở bản thân mà còn tiếp tục phạm tội mới cùng về hành vi chiếm đoạt nghiêm trọng hơn, trong thời gian thử thách, chưa được xóa án tích

Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

* Vì bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách án treo của Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HS-ST ngày 16/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum. Do đó, cần áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 12 tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HS- ST của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum trong bản án này.

[5] **Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.....*”. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh gia đình bị cáo có hai con còn nhỏ sinh năm 2014 và 2016, gia đình sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo hiện không còn tài sản gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Trong vụ án này còn có Đỗ Xuân V là người đã mua chiếc máy cày kèm rơ mooc do Hạnh lừa đảo chiếm đoạt của A H và A L bán lại cho anh Vững nhưng anh V không biết được đây là tài sản do Hạnh phạm tội mà có nên hành vi của anh Vững không cấu thành tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, đánh giá thêm.

- Đối với hành vi đưa chiếc máy cày nhãn hiệu Iseki cùng rơ mooc sau khi mua được từ Việt Nam về Lào để sử dụng, sau đó lại đưa đến khu vực cầu treo thuộc xã Đăk Pét, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum để giao lại cho H của A H và A L có dấu hiệu của tội vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới. Tuy nhiên, do diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh CoVid 19 trong thời gian qua nên Cơ quan điều tra không thể thực hiện các hoạt động điều tra, tương trợ tư pháp trên đất bạn Lào. Do đó, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, nếu đủ căn cứ thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường tại phiên tòa của bị cáo Trịnh Ngọc H.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải trả lại cho các bị hại A H và A L số tiền 150.000.000 đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Trong đó, A L là 75.000.000 đồng và A H là 75.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền 150.000.000 đồng mà bị cáo phải bồi thường là 7.500.000 đ (*Bảy triệu năm trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố: bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc H 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù.

Áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2016/HS-ST, ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glei (xử phạt bị cáo 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 24 tháng kể từ ngày tuyên án). Tổng hợp hình phạt của 02 bản án: buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải chấp hành hình phạt chung là: (36 tháng + 12 tháng) = **48** (*Bốn mươi tám*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 11/4/2020.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải trả lại cho các bị hại A H (tên gọi khác: A Nam) số tiền 75.000.000 đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng*) và A L số tiền 75.000.000 đ (*Bảy mươi lăm triệu đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời điểm thanh toán bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không trả khoản tiền nêu trên thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 3; Điều 6; Điều 21; khoản 1 Điều 23; Điều 24; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (30/9/2020) lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để yêu cầu giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Kon Tum;
- Cục THA dân sự tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- TTG Công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Huỳnh Nguyên